

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 06 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 04 tháng 07 năm 2018 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật. Công ty huy niệm yết trên sàn HNX từ ngày 05 tháng 12 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PhuThinh - Nhabe Garment Joint Stock Company.  
Tên viết tắt là: NPS.

Trụ sở chính: Số 13A, Tổng Văn Trấn, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn UpCom. Mã cổ phiếu: NPS.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Lan	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Quý	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/05/2018)
Ông Nguyễn Xuân Trùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/05/2018)
Ông Phan Quý Phái	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/05/2018)
Ông Phạm Ngọc Hưng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/05/2018)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Ủy viên

**Ban kiểm soát**

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Vũ Kim Chi	Thành viên
Bà Lê Nguyễn Thụy Nghi	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Phan Quý Phái	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/07/2018)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 02/07/2018)
Bà Nguyễn Thị Triệu	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 02/07/2018)
Bà Nguyễn Thị Anh Tuyết	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 02/07/2018)



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhân định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**KIỂM TOÁN VIỆN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Phan Quy Phai  
 CHAIRMAN  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019



Số: 424/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

Kính gửi:

Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Ban thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tùy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN		MIS TM		VND	
31/12/2018		01/01/2018		VND	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)		100	5.522.999.033	4.441.301.919	4.441.301.919
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.522.391.033	4.223.354.259	4.223.354.259
1. Tiền	111		5.522.391.033	4.223.354.259	
II - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	-	217.947.660	217.947.660
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	206.947.660	206.947.660
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	11.000.000	11.000.000
IV - Hàng tồn kho	140		-	-	-
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		608.000	-	608.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		608.000	-	608.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)		200	56.482.538.347	56.902.406.683	56.902.406.683
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	-
II - Tài sản cố định	220	5.3	311.481.290	731.349.626	731.349.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221		311.481.290	731.349.626	731.349.626
- Nguyên giá	222		6.651.367.150	7.616.330.786	7.616.330.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.339.885.860)	(6.884.981.160)	(6.884.981.160)
III - Bất động sản đầu tư	230		-	-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	5.4	56.171.057.057	56.171.057.057	56.171.057.057
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56.171.057.057	56.171.057.057	56.171.057.057
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	-
VI - Tài sản dài hạn khác	260		-	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)		270	62.005.537.380	61.343.708.602	61.343.708.602



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	300		30.379.013.733	27.372.924.467
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	310		4.632.251.651	1.402.162.385
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		4.488.000	30.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.5	334.964.818	678.883.189
4. Phải trả người lao động	314		-	134.237.713
5. Chi phải trả ngắn hạn	315		-	118.948.993
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.6	4.292.798.833	440.092.490
<b>II- Nợ dài hạn</b>	330		25.746.762.082	25.970.762.082
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.7	25.746.762.082	25.970.762.082
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	400		31.626.523.647	33.970.784.135
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	410	5.8	31.626.523.647	33.970.784.135
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	21.700.000.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.700.000.000	21.700.000.000
2. Thành dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.683.703.607	9.683.703.607
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.213.520.040	1.557.780.528
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		1.557.780.528	(736.075.065)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		655.739.512	2.293.855.593
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	440		62.005.537.380	61.343.708.602

Người lập biên

Kế toán trưởng

Dương Mỹ Trang

Thân Quý Phái



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019  
Giám đốc









**BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B03 - DN

CHI TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1.037.844.453	2.451.152.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	60.981.175	333.085.011
- Các khoản dự phòng	-	(755.830.866)
- Lỗ/lãi từ hoạt động đầu tư	(166.175.456)	(742.966.217)
- Chi phí lãi vay	-	90.443.238
3. Lợi nhuận từ HBKD trước thay đổi vốn lưu động	932.650.172	1.375.884.004
- Biên động các khoản phải thu	217.339.660	2.282.589.980
- Biên động hàng tồn kho	-	2.765.108.993
- Biên động các khoản phải trả	2.623.984.325	(6.853.066.975)
- Biên động chi phí trả trước	-	147.035.197
- Tiền lãi vay đã trả	-	(90.443.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	227.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.000.000.000)	(172.763.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	773.974.157	(318.655.364)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	450.000.000	2.644.926.097
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.749.940	7.805.900.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	55.312.677	51.814.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	525.062.617	10.502.640.167
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH</b>		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(7.382.391.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(7.382.391.206)
50. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.299.036.774	2.801.593.597
60. Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.223.354.259	1.421.760.662
70. Tiền và tương đương tiền cuối năm	5.522.391.033	4.223.354.259

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Giám đốc



Thần Quý Phái

Kế toán trưởng

Dương Mỹ Trang

Người lập biên

*(Handwritten signature)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 06 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 04 tháng 07 năm 2018 và việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là: 21.700.000.000 đồng.

Cơ cấu Sở hữu vốn tại ngày 31/12/2018 như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	191.320	1.913.200.000	8,82%
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình 557	529.000	5.290.000.000	24,38%
Các cổ đông khác	1.449.680	14.496.800.000	66,81%
<b>Tổng</b>	<b>2.170.000</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>100 %</b>

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY.  
 Tên viết tắt là: NPS.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 13A, Tổng Văn Trấn, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2.**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, may móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in trang bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Mọi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, khách sạn nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch từ hành nội địa, quốc tế.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là cho thuê mặt bằng.

**1.3**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.



2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Bảo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng bảng Đông Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đa tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng bảng Đông Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.



**THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÌNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao (số năm)	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng
07 - 15				
07 - 10				
08				
03 - 04				

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Căn cứ theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè đang chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trấn, Phường 5, Quận 11 - hiện là trụ sở và nhà xưởng của Công ty, để đầu tư xây dựng chung cư. Năm 2019, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 07/03/2019 về việc duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại khu đất số 13A Tổng Văn Trấn, phường 5, quận 11.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia có tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch về cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch về cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tài chính và;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch về cung cấp dịch vụ đó.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN AP DÙNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế hiện hành so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tài ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc công cụ phi giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phải sinh.

**Công nợ tài chính**

Tài ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc công cụ phi giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phải sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

KIEP T C 10/10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Lại cơ bản trên cơ phiếu**

Lại cơ bản trên cơ phiếu đối với các cơ phiếu phải thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cơ phiếu phải thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cơ phiếu phải thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BẢO CẢO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

31/12/2018	01/01/2018
VND	VND
5.399.565.000	1.098.053.870
122.826.033	3.125.300.389
<b>5.522.391.033</b>	<b>4.223.354.259</b>

Tiền mặt  
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Tổng

**5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

31/12/2018	01/01/2018
VND	VND
-	206.947.660
-	5.907.144
-	3.367.400
-	197.673.116
-	5.907.144
-	5.907.144
-	5.907.144
-	206.947.660
<b>-</b>	<b>206.947.660</b>

Tổng công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần  
Công Ty TNHH May Xuất Khẩu Hùng Vỹ  
Các đối tượng khác  
Trong đó phải thu các bên liên quan  
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty  
Cổ phần

Tổng



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHỤ THÍNH - NHÀ BÈ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.3 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

MẪU B 09 - DN

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2018	6.204.129.054	447.238.096	964.963.636	7.616.330.786
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm Thanh lý, nhượng bán	-	-	964.963.636	964.963.636
Số dư tại 31/12/2018	6.204.129.054	447.238.096	964.963.636	6.651.367.150
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2018	5.862.069.552	447.238.096	575.673.512	6.884.981.160
Tăng trong năm	30.578.212	-	30.402.963	60.981.175
Khấu hao trong năm	30.578.212	-	30.402.963	60.981.175
Giảm trong năm Thanh lý, nhượng bán	-	-	606.076.475	606.076.475
Số dư tại 31/12/2018	5.892.647.764	447.238.096	606.076.475	6.065.962.335
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2018	342.059.502	-	389.290.124	731.349.626
Tại 31/12/2018	311.481.290	-	-	311.481.290

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.228.335.747 VND (tại 31/12/2017: 6.228.335.747 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.4 TÀI SẢN DẠNG DÀI HẠN**

31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
Gia trị có thể thu hồi	56.171.057,057	Gia gốc	56.171.057,057
Gia trị có thể thu hồi	56.171.057,057	Gia gốc	56.171.057,057
<b>Tổng</b>	<b>56.171.057,057</b>	<b>56.171.057,057</b>	<b>56.171.057,057</b>

Dự án xây dựng chung cư cao tầng Dâm Sen

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trần, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Tại ngày 31/12/2018, Năm 2019, Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 07/03/2019 về việc duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại khu đất số 13A Tổng Văn Trần, phường 5, quận 11. Dự án đang được triển khai tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này.

**5.5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

01/01/2018		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2018	
Phải nộp Thuế giá trị gia tăng	67.318,957	-	67.318,957	-	334.964,818	-	334.964,818
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.074,212	382.104,941	157.109,234	325.069,919	9.894,899	-	9.894,899
Thuế thu nhập cá nhân	511.490,020	9.894,899	511.490,020	9.894,899	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000,000	3.000,000	-	-	-	-

**5.6 PHẢI TRẢ KHÁC**

31/12/2018		01/01/2018	
Kinh phí công đoàn	-	241.528,000	241.528,000
Bảo hiểm xã hội	1.342,833	1.606,918	1.606,918
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.291.456,000	196.957,572	196.957,572
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	191.456,000	191.456,000	191.456,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.100.000,000	5.501,572	5.501,572
<b>Tổng</b>	<b>4.292.798,833</b>	<b>440.092,490</b>	<b>440.092,490</b>

**5.7 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

31/12/2018		01/01/2018	
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè (*)	25.746.762,082	25.746.762,082	25.746.762,082
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng	-	224.000,000	224.000,000
<b>Tổng</b>	<b>25.746.762,082</b>	<b>25.970.762,082</b>	<b>25.970.762,082</b>

(\*) Đây là khoản tiền hỗ trợ không tính lãi suất của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để đề tiền hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất Số 13A, Tổng Văn Trần, phường 05, Quận 11 theo thỏa thuận giữa hai bên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	(736.075.065)	31.676.928.542
Tăng trong năm	-	-	-	2.293.855.593	2.293.855.593
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.293.855.593	2.293.855.593
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	1.557.780.528	33.970.784.135
Số dư tại 01/01/2018	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	1.557.780.528	33.970.784.135
Tăng trong năm	-	-	-	655.739.512	655.739.512
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	655.739.512	655.739.512
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Số dư tại 31/12/2018	21.700.000.000	1.029.300.000	6.683.703.607	2.213.520.040	31.626.523.647

(\*) Trong năm 2018, theo Biên bản họp số 04/2018/BB-HĐQT ngày 31/12/2018, Hội đồng quản trị Công ty họp và quyết định về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển chi cho Ban điều hành năm 2018 trong việc tìm kiếm đối tác đầu tư dự án xây dựng khu chung cư cao tầng tại số 13A Tổng Văn Trần, Phường 5, Quận 11 với số tiền là 3.000.000.000 đồng. Việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển nêu trên chưa xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này.”

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	1.913.200.000	7.203.200.000
Công ty Cổ phần Dầu tư & Xây dựng	5.290.000.000	-
Công trình 557	14.496.800.000	14.496.800.000
Vốn góp của đối tượng khác	21.700.000.000	21.700.000.000
<b>Tổng</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>21.700.000.000</b>





5.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.700.000.000	21.700.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.700.000.000	21.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.170.000	2.170.000
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	2.170.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / Cổ phiếu		

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	6.683.703.607	9.683.703.607
Tổng	6.683.703.607	6.683.703.607

5.9 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu gia công nội địa	-	1.566.538.704
Doanh thu gia công xuất khẩu	-	888.679.212
Doanh thu làm hàng nội địa	-	58.341.364
Doanh thu làm hàng xuất khẩu	-	738.751.025
Doanh thu bán nguyên phụ liệu tiết kiệm	-	98.431.557
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.210.000.000	1.980.000.000
Tổng	1.210.000.000	5.330.741.862

*Trong đó doanh thu của các bên liên quan*

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

1.097.110.383

5.10 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TẠI CHỖ

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	55.312.677	51.814.070
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.749.940	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	36.374.600
Tổng	75.062.617	88.188.670



**THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNHH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.11 CHI PHÍ TẠI CHÍNHH**

Năm 2018	Năm 2017
586.703	131.185.234
-	(15.900.000)
586.703	56.641.996
-	90.443.238
<b>VND</b>	<b>VND</b>

Lãi tiền vay  
Lỗi chênh lệch tỷ giá  
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư

**Tổng**

**5.12 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Năm 2018	Năm 2017
-	130.890.204
-	130.890.204
<b>VND</b>	<b>VND</b>

Chi phí dịch vụ mua ngoài

**Tổng**

**5.13 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Năm 2018	Năm 2017
154.805.120	324.676.428
-	7.891.010
60.981.175	143.926.353
3.000.000	3.000.000
4.537.658	134.939.295
35.152.743	56.234.492
<b>258.476.696</b>	<b>670.667.578</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thuế phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

**Tổng**

**5.14 LỢI NHUẬN KHÁC**

*Thu nhập khác*  
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định  
Thanh lý công cụ dụng cụ  
Thu lãi tiền chi phí xuất nhập khẩu  
Các khoản khác

**Tổng**

*Chi phí khác*  
Giá trị còn lại tài sản cố định  
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ  
Chi phí xuất nhập khẩu  
Các khoản khác

Năm 2018	Năm 2017
91.112.839	691.152.147
-	115.040.161
-	163.348.415
531.354.877	174.374.782
<b>622.467.716</b>	<b>1.143.915.505</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>
-	-
-	79.054.336
-	137.052.085
610.622.481	10.318.545
<b>610.622.481</b>	<b>226.424.966</b>
<b>11.845.235</b>	<b>917.490.539</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>

*Thu nhập khác/chi phí khác thuần*

**Tổng**



**5.15 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

Năm 2018	Năm 2017
VND	VND
1.037.844.453	2.451.152.838
607.255.081	94.484.000
-	87.000.000
303.932.085	-
truy thu thuế	
Các khoản phạt vì phạm, chậm nộp,	
Chi phí không đầy đủ hóa đơn chứng từ	7.484.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-
Điều chỉnh khác	-
Thu nhập chịu thuế	2.545.636.838
Chuyển lỗ	1.759.150.613
Thu nhập tính thuế	786.486.225
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	509.127.368
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	157.297.245

**5.16**

**LẠI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

Năm 2018	Năm 2017
VND	VND
655.739.512	2.293.855.593
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận	
kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ	
cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	
sở hữu cổ phiếu phổ thông	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	
trong năm (cổ phiếu)	
Lại cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.057



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 GIAO DỊCH VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Tổng công ty May Nhà Bè	Thành viên	Gia công	1.097.110.383	-
- Công ty Cổ phần	góp vốn	Thanh lý công cụ dùng cụ	59.718.545	-
Công ty Cổ phần Dầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Bán tài sản cố định	-	140.000.000

**6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty Quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Giá trị ghi số**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND

**Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền

	5.522.391.033	4.223.354.259
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	206.947.660
<b>Tổng</b>	<b>5.522.391.033</b>	<b>4.430.301.919</b>

**Công nợ tài chính**

Phải trả người bán và phải trả khác

	30.044.048.915	26.440.854.572
Chi phí phải trả	-	118.948.993
<b>Tổng</b>	<b>30.044.048.915</b>	<b>26.559.803.565</b>



6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty Quản lý rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mức đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phủ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức dao động còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chi trả của công nợ tài chính gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chi trả được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tài 31/12/2018	Tài 01/01/2018	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	Phải trả khách hàng và phải trả khác	Tổng
4.297.286.833	470.092.490	589.041.483
25.746.762.082	25.970.762.082	25.970.762.082
30.044.048.915	26.440.854.572	26.559.803.565
VND	VND	VND
Dưới 1 năm	Dưới 1 năm	Tổng
Từ 1 - 5 năm	Từ 1 - 5 năm	
4.297.286.833	470.092.490	589.041.483
25.746.762.082	25.970.762.082	25.970.762.082
30.044.048.915	26.440.854.572	26.559.803.565
VND	VND	VND
Dưới 1 năm	Dưới 1 năm	Tổng
Từ 1 - 5 năm	Từ 1 - 5 năm	

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức dao động tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức dao động chưa chi trả của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

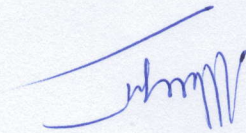
Tài 31/12/2018	Tài 01/01/2018	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	Phải thu khách hàng và phải thu khác	Tổng
5.522.391.033	4.223.354.259	5.522.391.033
5.522.391.033	4.223.354.259	5.522.391.033
VND	VND	VND
Dưới 1 năm	Dưới 1 năm	Tổng
Từ 1 - 5 năm	Từ 1 - 5 năm	
5.522.391.033	4.223.354.259	5.522.391.033
5.522.391.033	4.223.354.259	5.522.391.033
VND	VND	VND
Dưới 1 năm	Dưới 1 năm	Tổng
Từ 1 - 5 năm	Từ 1 - 5 năm	



6.3 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Dương Mỹ Trang

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Thần Quý Phái

